

HỨNG THÚ HỌC TẬP HỌC PHẦN RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

○ TS. VŨ THỊ LAN ANH*

Hứng thú (HT) có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động học tập (loại hoạt động căng thẳng, kéo dài và đòi hỏi sự huy động toàn bộ các chức năng tâm lí cá nhân) của con người; bởi có HT, hoạt động học tập sẽ trở nên nhẹ nhàng, sinh động, giúp người học phát huy vai trò tích cực và tự giác của mình trong quá trình học tập.

Trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học (GDTH) của Trường Đại học sư phạm (ĐHSP) Hà Nội, học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm* (RLNVSP) có vai trò rất quan trọng bởi qua học phần này sinh viên (SV) được trang bị những kĩ năng cơ bản và thực tế nhất để trở thành một GV trong tương lai. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến HT học phần RLNVSP, qua đó đề xuất các biện pháp nâng cao HT học tập, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học là rất cần thiết.

Vào học kì II, năm 2010-2011, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 105 SV (28 SV năm thứ tư, 38 SV năm thứ ba, 39 SV năm thứ hai) của Khoa GDTH - Trường ĐHSP Hà Nội trên cả ba mặt: nhận thức của SV về học phần, thái độ của SV đối với học phần và tính tích cực hành vi của SV trong quá trình học học phần. Kết quả như sau:

1. Thực trạng HT học phần RLNVSP của SV khoa GDTH

Bảng 1. Nhận thức của SV Khoa GDTH về học phần RLNVSP

Tiêu chí Khóa học	Ý nghĩa của học phần		Mục tiêu của học phần		Tính chất của học phần		Cách học học phần		Chung	
	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
Năm thứ hai	3,94	3	2,31	3	3,53	1	2,74	3	3,13	3
Năm thứ ba	4,23	2	2,89	2	3,42	2	3,05	2	3,40	2
Năm thứ tư	4,67	1	3,54	1	2,92	3	3,32	1	3,61	1

Kết quả nghiên cứu cho phép chúng tôi rút ra một số nhận xét:

SV Khoa GDTH nhận thức về học phần RLNVSP ở mức độ trung bình khá, với điểm trung bình (ĐTB) của các khối dao động trong

khoảng $3,13 \leq \bar{X} \leq 3,61$, so với mức trung bình của mặt nhận thức là 3 điểm. Mức độ nhận thức về học phần của SV năm thứ tư cao nhất, với $\bar{X} = 3,61$ (xếp thứ 1); thấp nhất là nhận thức của SV năm thứ hai, với $\bar{X} = 3,13$ (xếp thứ 3).

Tim hiểu cụ thể mức độ nhận thức của SV các khóa về ý nghĩa, mục tiêu, tính chất và cách học học phần, kết quả như sau:

- Về ý nghĩa thiết thực của học phần RLNVSP: Đa số SV đã nhận thức đúng (80,9% SV đánh giá học phần RLNVSP có ý nghĩa «rất thiết thực» và «thiết thực»). SV năm thứ tư đánh giá cao ý nghĩa học phần RLNVSP hơn SV năm thứ hai. Điều này cho thấy, càng học SV càng thấm nhuần ý nghĩa thiết thực của học phần này.

- Về các mục tiêu cụ thể của học phần RLNVSP: SV nhận thức không đồng đều, trong đó, mục tiêu «Trang bị những kĩ năng nghề nghiệp cho SV» được đánh giá cao nhất (81,9%). Sự nhận thức về từng mục tiêu cụ thể của học phần RLNVSP giữa các khóa cũng có khác biệt. Ví dụ, mục tiêu «Giúp SV vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sư phạm» được SV năm thứ ba và năm thứ tư đánh giá cao thứ hai trong số các mục tiêu của học phần (năm thứ ba là 71,1%; năm thứ tư là 82,1%), trong khi đó, SV năm thứ hai lại đánh giá mục tiêu này ở mức độ cao thứ ba (51,3%)...

- Về tính chất của các học phần RLNVSP: Nhận thức của SV không đồng đều: 39,1% SV đánh giá học phần là «bình thường», chỉ có 6,7% đánh giá là «trừu tượng, khó hiểu».

- Nhận thức về cách học học phần RLNVSP của SV không đồng đều: 36,2% đánh giá: «biết cách học thì dễ»; 1,9% đánh giá: «biết cách học vẫn khó».

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Bảng 2. Thái độ học tập học phần RLNVSP của SV khoa GDTH

Tiêu chí	Với học phần RLNVSP		Trước giờ RLNVSP		Trong giờ RLNVSP		Hình thức học học phần RLNVSP		Chung
	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	
Khóa học	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}
Năm thứ hai	3,60	3	3,56	3	3,56	2	0,53	3	2,81
Năm thứ ba	3,68	2	3,58	2	3,82	1	0,58	2	2,92
Năm thứ tư	3,79	1	3,64	1	3,54	3	0,79	1	2,94
Chung	3,67		3,59		3,64		0,63		2,89

Nhìn chung, SV Khoa GDTH đã có thái độ học tập tích cực nhưng mức độ tích cực chưa cao ($\bar{X} = 2,94$, so với mức trung bình của mặt thái độ là $\bar{X} = 3,00$) và chưa đồng đều giữa các khóa học. Các loại thái độ quan hệ với nhau theo chiều thuận. SV có thái độ tích cực cao với học phần RLNVSP thường cũng có thái độ tích cực cao trước và trong giờ học của học phần; với các hình thức học tập học phần RLNVSP và ngược lại.

Xem xét cụ thể từng thông số đánh giá mặt thái độ của V với học phần RLNVSP, cho thấy: - Đa số SV «thích học», và «rất thích học», học phần RLNVSP (53,3%); 46,7% có thái độ «bình thường», không có SV nào «chán ghét», hoặc không muốn học học phần này. Thái độ tích cực với học phần tăng dần theo các khóa học: năm thứ tư cao hơn so với năm thứ hai; - Trước mỗi giờ RLNVSP, SV chưa có thái độ tích cực cao. Đa số SV có thái độ bình thường (52,4%), số còn lại có thái độ tích cực (47,6%) và không có SV nào có thái độ tiêu cực. Trong các giờ RLNVSP, đa số SV có thái độ tích cực (51,4%), 48,6% có thái độ bình thường và không có SV nào có thái độ thờ ơ hoặc chán ghét; - SV hào hứng học tập với các hình thức học tập diễn ra ở trường phổ thông như: thực hành, dự giờ... và không thích thú với các hình thức diễn ra ở trường sư phạm như: lí thuyết kết hợp với thực hành, seminar hay thực hành ở trường sư phạm... (xem bảng 3)

Biểu hiện hành vi HT học phần RLNVSP của SV không đồng đều mà rất đa dạng. Cao nhất là biểu hiện «Đi học đều» với $\bar{X} = 2,45$ (xếp thứ 1), thấp nhất là «Phát hiện những vấn đề mới», với $\bar{X} = 1,02$; (xếp thứ 14). Độ lệch $\bar{X} = 1,43$. Mức độ tích cực tương đối đồng đều giữa các khối lớp. ĐTB dao động trong khoảng $1,89 \leq \bar{X} \leq 1,93$; độ lệch rất ít, $\bar{X} = 0,03$. Giữa các khối có biểu hiện tích cực hành vi trong HT không giống nhau. Tính tích cực trong hành vi học tập học phần

Bảng 3. Mức độ tích cực trong hành vi học tập học phần RLNVSP của SV khoa GDTH

Stt	Tiêu chí Hành vi	Khóa học						Chung	
		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ tư		\bar{X}	TB
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB		
1	Chú ý nghe giảng	2,00	7	1,79	9	1,89	9	1,89	9
2	Tích cực thảo luận	2,28	2	2,26	3	2,29	3	2,28	3
3	Hăng hái phát biểu	2,20	3	2,32	2	2,43	2	2,32	2
4	Tích cực chuẩn bị các bài tập thực hành RLNVSP	2,10	6	2,21	4	2,22	4	2,18	4
5	Tích cực suy nghĩ khi GV nêu vấn đề	1,92	8	2,05	7	2,04	8	2,00	8
6	Hỏi GV những vấn đề khó	1,71	10	1,83	10	1,78	10	1,71	10
7	Tìm đọc các tài liệu tham khảo	1,56	12	1,39	12	1,44	13	1,46	13
8	Nghiên cứu giáo trình trước	2,15	5	2,13	6	2,07	7	2,12	6
9	Đi học đều	2,37	1	2,45	1	2,52	1	2,45	1
10	Áp dụng lí thuyết vào thực tiễn sư phạm	1,66	11	1,37	13	1,53	12	1,52	12
11	Ứng dụng các kĩ năng sư phạm vào hoàn thiện bản thân	1,35	13	1,81	11	1,65	11	1,54	11
12	Tích cực tham gia các hoạt động RLNVSP	2,17	4	2,16	5	2,14	6	2,16	5
13	Tư RLNVSP thường xuyên	1,87	9	2,03	8	2,19	5	2,03	7
14	Phát hiện những vấn đề mới	1,05	14	1,13	14	0,89	14	1,02	14
	\bar{X}	1,89		1,90		1,93		1,91	

RLNVSP của SV Khoa GDTH chưa cao và thường tập trung vào các biểu hiện quen thuộc như: đi học đều, hăng hái phát biểu hay tích cực thảo luận... Những biểu hiện hành vi đặc trưng như: áp dụng lí thuyết vào thực tiễn sư phạm hay ứng dụng các kĩ năng sư phạm vào hoàn thiện bản thân hoặc tích cực tham gia các hoạt động RLNVSP... của SV chưa cao.

2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến HT học phần RLNVSP

- **Yếu tố khách quan:** sự hấp dẫn của học phần; phương pháp và năng lực hướng dẫn, giảng dạy của GV; bầu không khí tâm lí lớp học; điều kiện và phương tiện dạy học...

- **Yếu tố chủ quan:** trình độ tri thức và năng lực nhận thức của SV; nhu cầu nhận thức của SV; động cơ, thái độ học tập của SV...

Cả hai yếu tố trên đều có tác động, ảnh hưởng sâu sắc tới HT học tập học phần RLNVSP của SV. (xem bảng 4)

- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến HT học phần RLNVSP của SV. Các yếu tố tác động không đồng đều mà xếp thành thứ bậc. Ảnh hưởng mạnh nhất là «Động cơ học tập» với $\bar{X} = 0,41$ (xếp thứ 1); yếu nhất là «Các yếu tố khác» với $\bar{X} = 0,04$ (xếp thứ 8).

- Nhìn chung các yếu tố chủ quan và khách quan tác động tương đối đồng đều đến HT học phần RLNVSP của SV khoa GDTH. Từng yếu tố tác động đến các khối lớp với cường độ mạnh,

Bảng 4. Ảnh hưởng của một số yếu tố khách quan và chủ quan đến HT học phần RLNVSP của SV Khoa GDTH

STT	Tiêu chí Các yếu tố	Khóa học						Chung	
		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ tư		\bar{X}	TB
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB		
1	Sự hấp dẫn của học phần	0,32	1	0,36	2	0,44	2	0,38	2
2	Phương pháp giảng dạy của GV	0,12	6	0,14	6	0,17	6	0,14	6
3	Không khí lớp học	0,21	5	0,28	5	0,27	5	0,25	5
4	Điều kiện học tập	0,10	7	0,10	7	0,14	7	0,11	7
5	Trình độ của SV	0,23	4	0,34	3	0,32	4	0,30	4
6	Nhu cầu nhận thức	0,28	3	0,29	4	0,43	3	0,33	3
7	Động cơ học tập	0,31	2	0,41	1	0,52	1	0,41	1
8	Các yếu tố khác	0,03	8	0,05	8	0,04	8	0,04	8

yếu tương đương nhau (thứ bậc tương đương nhau).

- Các yếu tố tác động mạnh đến HT học phần RLNVSP của SV là «Động cơ học tập» với $\bar{X} = 0,41$ (xếp thứ 1), «Sự hấp dẫn của môn học» với $\bar{X} = 0,38$ (xếp thứ 2) và «Nhu cầu nhận thức» với $\bar{X} = 0,33$ (xếp thứ 3).

- «Điều kiện học tập» với $\bar{X} = 0,11$ (xếp thứ 7) và «Phương pháp giảng dạy của GV» với $\bar{X} = 0,14$ (xếp thứ 6) là các yếu tố ít gây HT học phần RLNVSP cho SV.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, SV Khoa GDTH đã có HT học phần RLNVSP nhưng chưa cao. Các thành phần tâm lý trong HT học phần RLNVSP của SV phát triển không đồng đều:

Một số biện pháp tâm lý...

(Tiếp theo trang 20)

Sau một thời gian thử nghiệm, kết quả bước đầu cho thấy, MDBHTST của SVSP đã được nâng lên rõ rệt. Như vậy, kết quả thử nghiệm đã chứng minh được tính khả thi và hiệu quả của biện pháp tác động trong quá trình nghiên cứu. Điều đó có nghĩa là, việc thay đổi hình thức, đặc biệt là phương pháp dạy học tích cực có ảnh hưởng rõ rệt đến sự phát triển trí ST ở người học. □

(1) Nguyễn Huy Tú. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Mã số B2005-75-123: Hiện trạng mức độ tính sáng tạo của sinh viên sư phạm. Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2006.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình. Giáo trình chuyên đề giáo dục kĩ năng sống. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.

cao nhất là mặt nhận thức, sau đó là mặt thái độ và thấp nhất là mặt hành vi. HT học phần RLNVSP của SV chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố (khách quan và chủ quan) như nội dung học phần, điều kiện học tập học phần hay phương pháp giảng dạy học phần... Do vậy, các biện pháp đề xuất cần chú trọng đến cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Cải tiến nội dung để tăng sự hấp dẫn của học phần, tăng cường điều kiện học tập hay đa dạng hóa hình thức học tập... là những biện pháp tác động sư phạm có thể làm tăng HT học phần RLNVSP của SV. □

Tài liệu tham khảo

1. Còvaliôp A.G. Tâm lý học cá nhân. NXB Giáo dục, H. 1971.
2. Imkock. Tìm hiểu hứng thú đối với môn toán của học sinh lớp 8 Phnômpenh. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 1990.
3. Sukina G.I. Vấn đề hứng thú trong khoa học giáo dục. NXB Giáo dục, H. 1971.
4. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên). Tâm lý học đại cương. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.

SUMMARY

The authoress describes the existing learning interest in subject of practice pedagogical skills of students in Faculty of Primary Education - Ha Noi National University of Education: actual situation and Influenced factors.

2. Phan Dũng. Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới. NXB Trẻ, 2010.
3. Dương Hội - Tạ Văn Doanh. Luyện trí sáng tạo. NXB Lao động, H. 2006.
4. Phạm Trung Thanh (chủ biên). Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.
5. James H. Stronge. Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả. NXB Giáo dục, H. 2011.
6. Robert J. Marzano. Quản lý hiệu quả lớp học. NXB Giáo dục, H. 2001.

SUMMARY

This article is devoting the problem on creativity development of teaching training college's students. There is describing the experiments with the means by which the student learned to form the pedagogic skills in the subject Life skill. After the concordant system of exercises for creative learning, as assessment point out, the creative teaching skills of students have improved.